

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Khắc Phương	Quang	3671041535	10/09/1994	6,00	5,00	5,30	
2	Nguyễn Hùng Gia	Uy	3671041574	22/11/1994	2,00	,00	,60	
3	Trương Mạnh	Cường	3671041608	11/01/1994	4,00	6,00	5,40	
4	Nguyễn Công	Thành	3671041616	23/11/1993	4,00	1,00	1,90	
5	Lương Anh	Tiến	3671041621	02/04/1994	6,00	7,00	6,70	
6	Lê Quốc	Thịnh	3671041622	26/12/1994	,00	,00	,00	CT
7	Nguyễn Hoàng	Tú	3671041635	12/02/1994	1,00	5,50	4,20	
8	Nguyễn Thanh	Quân	3671041647	21/03/1994	4,00	1,50	2,30	
9	Nguyễn Hữu	Tiến	3671041652	22/08/1994	1,00	,00	,30	
10	Phạm Ngọc	Tuân	3671041653	10/07/1992	2,00	8,00	6,20	
11	Nguyễn Trọng	Kiên	3671041657	16/06/1994	1,00	,00	,30	
12	Hoàng	Đạt	3671041659	25/09/1993	,00	,00	,00	CT
13	Huỳnh Quang	Hiếu	3671041673	23/04/1994	1,00	,00	,30	
14	Bùi Lê Tuấn	Phong	3671041679	07/01/1994	,00	,00	,00	CT
15	Trần Chí	Thiện	3671041829	04/05/1994	8,00	6,50	7,00	
16	Dương Ngọc	Tiến	3671041830	16/10/1994	1,00	6,00	4,50	
17	Trương Đình Bảo	Duy	3671041835	05/10/1994	5,00	,00	1,50	
18	Vương Huỳnh	Triều	3671041837	13/12/1994	2,00	,50	1,00	
19	Hùynh	Pháp	3671041843	24/03/1994	,00	,00	,00	CT
20	Trịnh Hữu	Ý	3671041845	06/01/1994	1,00	7,00	5,20	
21	Hoàng Minh	Tài	3671041856	20/08/1994	1,00	5,00	3,80	
22	Tô Minh	Quý	3671041885	07/12/1994	3,00	5,50	4,80	
23	Lê Văn	Khanh	3671041888	12/07/1993	6,00	3,00	3,90	
24	Lê Hoàng	Luật	3671041890	15/11/1985	,00	,00	,00	CT
25	Hứa Văn	Dũng	3671041892	05/06/1994	,00	,00	,00	CT
26	Võ Văn	Vinh	3671041893	08/03/1993	1,00	4,00	3,10	
27	Nguyễn Tiến	Dũng	3671041899	23/03/1994	,00	,00	,00	CT
28	Trần Quốc	Dũng	3671041904	06/08/1994	1,00	,00	,30	
29	Nguyễn Văn	Hiếu	3671041923	02/06/1994	1,00	,00	,30	
30	Nguyễn Phước	Huy	3671041926	16/05/1994	6,00	4,00	4,60	
31	Nguyễn Văn	Sang	3671041930	06/06/1992	1,00	7,50	5,60	
32	Hoàng Minh	Hải	3671041932	12/04/1994	,00	,00	,00	CT
33	Nguyễn Thành	Hiếu	3671041971	11/10/1992	6,00	3,50	4,30	
34	Võ Thành	Uyên	3671041985	10/04/1994	1,00	,00	,30	
35	Nguyễn Văn	Sinh	3671041998	25/09/1994	5,00	,00	1,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Xuân	Dương	3671042018	08/02/1993	1,00	,00	,30	
37	Lê Nhựt	Tân	3671042031	06/10/1994	7,00	,00	2,10	
38	Xành Phối	Linh	3671042045	10/11/1993	10,00	,50	3,40	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)